

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Ô tô TMT;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ô tô TMT. Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung sau:

Chương I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

2.1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2.2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Ban Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 3.1.** *Công ty* hoặc *TMT* là Công ty Cổ phần ô tô TMT.
- 3.2.** *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.
- 3.3.** *Người quản lý doanh nghiệp* hoặc *Người quản lý* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
- 3.4.** *Người điều hành doanh nghiệp* hoặc *Người điều hành* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Giám đốc, Phó Giám đốc các Ban, Phòng, Trung tâm tại Trụ sở chính; Giám đốc, Phó Giám đốc các Công ty thành viên và đơn vị trực thuộc.
- 3.5.** *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành* (sau đây gọi là *thành viên không điều hành*) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý khác theo quy định của Điều lệ công ty.
- 3.6.** *Thành viên độc lập Hội đồng quản trị* (sau đây gọi là *thành viên độc lập*) là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.
- 3.7.** *Người phụ trách quản trị công ty* là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều lệ và Quy chế này.
- 3.8.** *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
- 3.9.** *Thông tin nội bộ* là thông tin liên quan đến công ty chưa được công bố mà nếu được công bố có thể ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán của công ty.
- 3.10.** *Người nội bộ* là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin;
- 3.11.** *Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Cổ phần Ô tô TMT* là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần được đăng ký lần đầu ngày 14/12/2006, đăng ký thay đổi lần **thứ 16 ngày 07/08/2020..**
- 3.12.** *Luật Doanh nghiệp* là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.13. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội

Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019

- 3.13. Ngày thành lập là ngày Công ty Cổ phần ô tô TMT được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu.
- 3.14. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày đăng ký cuối cùng để tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- 3.15. Ban điều hành bao gồm Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

Chương II.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

- 4.1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
- 4.2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
- 4.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

- 5.1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
- 5.2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- 6.1. Hội đồng quản trị có **07 thành viên**. Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Đại hội đồng cổ đông thay đổi số thành viên Hội đồng quản trị trong khoảng từ ba (03) thành viên đến mười một (11). Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị do Điều lệ công ty quy định.
- 6.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.
- 6.3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
- 6.4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.
- 6.5. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

- 7.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- 7.2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 8.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 8.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm nhiệm Tổng Giám đốc.
- 8.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ công ty
- 8.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.
- 8.5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
- 8.6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ công ty

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- 9.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
- 9.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
- 9.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng

quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 9.1 và khoản 9.2 Điều này.

- 9.4.** Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- 10.1.** Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn ứng cử viên từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên..
- 10.2.** Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
- 10.3.** Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn

theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

- 10.4.** Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

11.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
- 11.2.** Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

12.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

12.2. Các quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định chi tiết tại Điều lệ công

ty.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

- 13.1.** Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
- 13.2.** Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- 14.1.** Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi xét thấy cần thiết vì lợi ích công ty, khi xảy ra các điều kiện khiến số lượng thành viên Hội đồng quản trị giảm xuống dưới mức tối thiểu theo quy định tại Điều lệ và pháp luật, khi có yêu cầu của Ban kiểm soát, của cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ công ty.
- 14.2.** Trình tự, thủ tục, thời hạn và điều kiện triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị phải đáp ứng quy định tại Điều lệ Công ty.
- 14.3.** Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

- e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

- 15.1.** Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị là Tiểu ban Nhân sự; Tiểu ban Lương thưởng và các tiểu ban khác. Việc thành lập các tiểu ban khác phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
- 15.2.** Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

Trình tự, thủ tục, thời hạn và các điều kiện tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại **Điều 32** Điều lệ công ty.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

- 17.1.** Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Công ty;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 17.2 Điều này.
- 17.2.** Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 17.1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
- 17.3.** Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- 17.4.** Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
- 17.5.** Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

- 18.1.** Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
- 18.2.** Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 20 Quy chế nội bộ về quản trị Bảo Minh
- 18.3.** Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 18.1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

- 18.4.** Báo cáo quy định tại các khoản 18.1, 18.2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh phù hợp theo quy định pháp luật và theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

- 20.1.** Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- 20.2.** Việc kê khai quy định tại khoản 20.1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 20.3.** Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

- 20.1.** Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- 20.2.** Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
- 20.3.** Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Phân công công việc giữa các thành viên Hội đồng quản trị

22.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- c) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- d) Ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Tổ chức việc thông qua, triển khai thực hiện và giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị của Ban Tổng Giám đốc;
- f) Phụ trách công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; giám sát quá trình tổ chức thực hiện Quy chế quản trị công ty.
- g) Phụ trách công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Quy chế quản trị công ty, Quy chế đầu tư tài chính. Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các Quy chế khác thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản trị;

- h) Có thể được Hội đồng quản trị ủy quyền, có quyền quyết định trong phạm vi được Hội đồng quản trị ủy quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;
- i) Phụ trách công tác đối ngoại của Hội đồng quản trị; tham gia cùng Ban Điều hành thực hiện công tác đối ngoại của Ban Điều hành khi xét thấy cần thiết hoặc theo đề xuất của Ban Điều hành;
- j) Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ chung của Hội đồng quản trị;
- k) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ.

22.2. Thành viên Hội đồng quản trị (nếu được bổ nhiệm Tổng giám đốc):

- a) Lãnh đạo, quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đồng thời chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về Quyết định của mình;
- b) Tổ chức thực hiện Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Tổ chức thực hiện Quy chế quản trị công ty, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế đầu tư tài chính, Quy chế quản lý rủi ro và Quy chế Tiền lương, tiền thưởng;
- e) Phối hợp với Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện công tác xem xét, thẩm định, đánh giá các giải pháp phát triển thị trường, công nghệ thông tin trình Hội đồng quản trị quyết định;
- f) Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các Quy chế thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản trị;
- g) Phụ trách công tác chuẩn bị, cung cấp đầy đủ, toàn diện các cơ sở vật chất, kỹ thuật cần thiết để tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo chương trình, kế hoạch hoạt động đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị xây dựng được Hội đồng quản trị phê duyệt; hỗ trợ các thành viên Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện công việc được Hội đồng quản trị phân công;
- h) Tham gia công tác đối ngoại của Hội đồng quản trị;
- i) Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ chung của Hội đồng quản trị;
- j) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định

tại Điều lệ.

22.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

- a) Phối hợp với Chủ tịch Hội đồng quản trị giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, giám sát quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b) Phụ trách công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với toàn bộ hoạt động quản trị, điều hành của Ban Điều hành, làm giảm nguy cơ lạm dụng quyền hạn của những người quản lý, điều hành, góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông;
- c) Phụ trách công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với quá trình tổ chức thực hiện Quy chế Tiền lương, tiền thưởng;
- d) Phụ trách công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Quy chế Tiền lương, tiền thưởng. Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các Quy chế khác thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản trị;
- e) Theo dõi hoạt động của Hội đồng quản trị, cho ý kiến nhằm bảo đảm Hội đồng quản trị có thể đưa ra được những quyết định không thiên vị, công khai, minh bạch, không gây xung đột về lợi ích giữa các cổ đông, bảo vệ được cổ đông nhỏ, tạo ra đối trọng để hài hòa lợi ích giữa các nhóm cổ đông;
- f) Đưa ra các ý kiến độc lập về chiến lược, cũng như giám sát nhà quản lý nhằm bảo vệ sự công bằng cho cổ đông nhỏ và vì quyền lợi của các cổ đông;
- g) Phối hợp với thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện công tác đánh giá hoạt động của mỗi thành viên Hội đồng quản trị hàng năm;
- h) Tham gia công tác đối ngoại của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị của hoặc Tổng Giám đốc;
- i) Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ chung của Hội đồng quản trị;
- j) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ.

22.4. Các thành viên Hội đồng quản trị khác

- a) Phối hợp với Chủ tịch Hội đồng quản trị giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, giám sát quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch đầu tư của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b) Phụ trách công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với quá trình tổ chức thực hiện các Quy chế do Hội đồng quản trị ban hành theo phân công của Hội đồng quản trị trong

từng giai đoạn cụ thể;

- c) Phụ trách công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các Quy chế do Hội đồng quản trị ban hành theo phân công của Hội đồng quản trị trong từng giai đoạn cụ thể;
- d) Phối hợp với Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc hợp với thực hiện công tác xem xét, thẩm định, đánh giá các vấn đề liên quan để trình Hội đồng quản trị quyết định theo phân công của Hội đồng quản trị trong từng giai đoạn cụ thể;
- e) Phụ trách tiếp nhận, xử lý các tố cáo, khiếu nại gửi đến Hội đồng quản trị; chủ trì công tác giải quyết các tố cáo, khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng quản trị theo phân công của Hội đồng quản trị trong từng giai đoạn cụ thể;
- f) Tham gia công tác đối ngoại của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị của hoặc đề xuất của Tổng Giám đốc;
- g) Thực hiện các công việc khác theo phân công của Hội đồng quản trị trong từng giai đoạn cụ thể;
- h) Phối hợp với các thành viên thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ chung của Hội đồng quản trị.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các Nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

- 24.1.** Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- 24.2.** Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần ô tô TMT bao gồm 7 chương,

25 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 04 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Hữu